

HỆ THỐNG KIẾN THỨC
MÔN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG
BÀI 1: KHÁI QUÁT VỀ NHÀ NƯỚC

1. Có mấy hình thái kinh tế - xã hội tồn tại trong lịch sử?

Có 5 hình thái kinh tế xã hội, gồm: (i) Cộng sản (Công xã) nguyên thủy; (ii) Chiếm hữu nô lệ; (iii) Phong kiến; (iv) Tư bản chủ nghĩa; (v) Xã hội chủ nghĩa.

2. Hình thái kinh tế - xã hội nào chưa có nhà nước?

Công xã nguyên thủy chưa có nhà nước. Vì không có cơ sở cho sự tồn tại của Nhà nước; đó là: (i) chế độ tư hữu và (ii) phân chia giai cấp.

3. Có những quan điểm nào lý giải về nguồn gốc ra đời của Nhà nước? Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lenin, Nhà nước ra đời như thế nào?

Có 2 luồng quan điểm lớn; gồm: Học thuyết phi macxit (Thuyết thần học, Thuyết gia trưởng, Thuyết bạo lực và Thuyết khế ước xã hội) và Chủ nghĩa Mac Lenin. Theo Chủ nghĩa Mac Lenin, thì “*Nhà nước chỉ xuất hiện khi xã hội loài người đã phát triển đến một giai đoạn nhất định, khi xuất hiện chế độ tư hữu và những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được*”

Theo đó, cơ sở cho sự xuất hiện của Nhà nước là: (i) chế độ tư hữu; (ii) phân chia giai cấp.

3. Nhà nước ra đời là do những nguyên nhân nào, theo Chủ nghĩa Mác Lê nin?

Nhà nước ra đời là do: (i) Lực lượng sản xuất phát triển (con người ngày càng hoàn thiện hơn về thể lực và trí lực); dẫn đến (ii) Kinh tế tự nhiên (hái lượm, săn bắt) chuyển hóa thành kinh tế sản xuất (trải qua 3 lần phân công lao động xã hội); (iii) Chế độ tư hữu xuất hiện; (iv) Xã hội phân hóa giai cấp đối kháng, có lợi ích khác nhau.

4. Nhà nước đầu tiên trong lịch sử là kiểu nhà nước nào?

Nhà nước chủ nô, vì hình thái kinh tế xã hội chiếm hữu nô lệ là hình thái kinh tế xã hội đầu tiên có sự xuất hiện của Nhà nước

5. Có tất cả bao nhiêu kiểu nhà nước tồn tại trong lịch sử?

Có tất cả 4 kiểu nhà nước, gồm: (i) Nhà nước chủ nô; (ii) Nhà nước phong kiến; (iii) Nhà nước tư bản chủ nghĩa; (iv) Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa. Tương ứng với mỗi Hình thái Kinh tế xã hội có Nhà nước, thì sẽ có 1 kiểu Nhà nước

6. Nhà nước ra đời và tồn tại nhằm mục đích gì?

Điều hòa các mâu thuẫn, xung đột giai cấp trong một vòng trật tự phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị; đồng thời đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội; **HAY NÓI CÁCH KHÁC**

Nhà nước ra đời để (i) **bảo vệ** lợi ích của giai cấp thống trị; (ii) **quản lý và duy trì** trật tự xã hội; (iii) **bảo đảm** sự thống trị của giai cấp thống trị với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội.

Nhà nước thiết lập và duy trì sự thống trị của mình trên 3 phương diện: kinh tế, chính trị và tư tưởng; thông qua việc nắm giữ: **quyền lực kinh tế; quyền lực chính trị và quyền lực về tư tưởng**

7. Đặc trưng cơ bản của Nhà nước là gì?

Đặc trưng cơ bản của Nhà nước là **những đặc điểm (dấu hiệu) cơ bản giúp phân biệt Nhà nước với các tổ chức xã hội khác**; dùng để phân biệt nhà nước với các tổ chức xã hội khác, **gồm**:

- **Thứ nhất**, Nhà nước **quản lý dân cư** theo đơn vị hành chính lãnh thổ
- **Thứ hai**, Nhà nước có **chủ quyền** quốc gia **độc lập** (Nắm giữ và thực hiện chủ quyền quốc gia)
- **Thứ ba**, Nhà nước thiết lập **quyền lực công cộng đặc biệt** (Nắm giữ quyền lực công)
Quyền lực công cộng đặc biệt của Nhà nước, thể hiện ở:
 - (i) Một là, Được thiết lập không hòa nhập với dân cư
 - (ii) Hai là, Năng lực của Nhà nước quyết định các vấn đề và buộc các tổ chức và các nhân trong xã hội phải phục tùng
 - (iii) Ba là, khả năng chi phối quyền lực của các tổ chức khác trong xã hội
- **Thứ tư**, Nhà nước có **quyền ban hành pháp luật** và áp dụng các biện pháp cưỡng chế bảo đảm thực hiện pháp luật
- **Thứ năm**, Nhà nước có **quyền phát hành tiền**, và có quyền thu thuế, tạo lập ngân sách nhà nước

8. Chức năng nhà nước là gì? Dựa trên phạm vi hoạt động của Nhà nước, thì có mấy loại chức năng?

Chức năng là những phương diện hoạt động chủ yếu của nhà nước nhằm thực hiện nhiệm vụ đặt ra thể hiện ở mục tiêu và những vấn đề cần giải quyết, qua đó thể hiện bản chất và vai trò của mình.

Dựa trên phạm vi hoạt động của Nhà nước, thì có 2 loại chức năng: chức năng đối nội và chức năng đối ngoại. Trong đó:

- (i) Chức năng đối nội: Quản lý mọi mặt đời sống xã hội và trấn áp các thế lực chống đối bảo đảm an ninh trật tự
- (ii) Chức năng đối ngoại: Bảo vệ tổ quốc, thiết lập quan hệ ngoại giao và thực hiện nhiệm vụ quốc tế

9. Nhà nước thực hiện chức năng của mình như thế nào ?

Nhà nước ra đời để quản lý xã hội, mà Nhà nước quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật; nên để thực hiện hoạt động quản lý của mình; trước hết Nhà nước sẽ **XÂY DỰNG PHÁP LUẬT**, tạo thành *quyền lập pháp*.

Pháp luật ban hành ra rồi, chỉ nằm ở trên giấy, Nhà nước muốn pháp luật đi vào đời sống thực tiễn, để mọi người dân đều biết, hiểu đúng, và tự giác thực hiện pháp luật, thì Nhà nước phải **TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT** tạo thành *quyền hành pháp*.

Trong quá trình thực thi pháp luật, có vi phạm pháp luật xảy ra, Nhà nước phải **BẢO VỆ PHÁP LUẬT**, tạo thành *quyền tư pháp*.

Như vậy, tóm lại, Nhà nước thực hiện chức năng của mình thông qua 3 hình thức cơ bản: (i) **XÂY DỰNG PHÁP LUẬT**; (ii) **TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT**; (iii) **BẢO VỆ PHÁP LUẬT**

10. Hình thức nhà nước là gì? Hình thức nhà nước có mấy yếu tố?

Hình thức Nhà nước là cách thức, phương thức tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước; gồm 3 yếu tố: (i) **Hình thức chính thể**; (ii) **Hình thức cấu trúc**; (iii) **Chế độ Chính trị**

11. Hình thức chính thể là gì? Có những loại hình thức chính thể nào?

Hình thức chính thể là: Cách thức tổ chức quyền lực nhà nước ở **trung ương**, hay nói cách khác là ở **cấp tối cao** [3 quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp sẽ thuộc về cơ quan tối cao nào: Nghị viện, Chính phủ, Tòa án, Tổng thống, Thủ tướng hay Vua?]

Được phân thành 2 loại; gồm: Hình thức Chính thể Quân chủ và Hình thức Chính thể Cộng hòa; trong đó:

Hình thức Chính thể Quân chủ: Quyền lực tối cao (lập pháp, hành pháp và tư pháp) tập trung toàn bộ hoặc một phần vào người đứng đầu nhà nước (Vua) theo nguyên tắc truyền ngôi, thế tục. Được phân chia thành 2 loại: **Quân chủ tuyệt đối và Quân chủ đại nghị.**

Ví dụ: Thụy điển, Anh, Thái lan, Nhật, ArabSaudia

Hình thức Chính thể Cộng hòa: Quyền lực tối cao (lập pháp, hành pháp và tư pháp) tập trung vào trong tay 1 cơ quan hay 1 số cơ quan. Được phân chia thành 2 loại: **Cộng hòa Quý tộc và Cộng hòa Dân chủ;** trong đó Cộng hòa Dân chủ chia làm 2 loại: Cộng hòa **Dân chủ Nhân dân** và Cộng hòa **Dân chủ tư sản;** trong đó Cộng hòa Dân chủ Tư sản chia làm 3 loại: **Cộng hòa Tổng thống; Cộng hòa Đại nghị và Cộng hòa Lưỡng hệ**

12. Hình thức cấu trúc nhà nước là gì? Có những loại hình thức cấu trúc nhà nước nào?

Hình thức cấu trúc nhà nước: Cách thức tổ chức nhà nước theo đơn vị hành chính lãnh thổ; Cách thức xác lập mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương với ở địa phương; gồm:

Nhà nước đơn nhất (Việt Nam, Lào,...): Có 1 lãnh thổ thống nhất, 1 hệ thống pháp luật duy nhất, 1 bộ máy chính quyền được tổ chức thống nhất từ trung ương xuống địa phương, cư dân mang một quốc tịch thống nhất

Nhà nước liên bang (Ví dụ: Nga, Mỹ, Canada, Úc): Có 1 lãnh thổ hợp nhất gồm chủ quyền liên bang và chủ quyền bang; có 2 hệ thống pháp luật riêng biệt, gồm: hệ thống pháp luật liên bang và hệ thống pháp luật bang; có 2 bộ máy chính quyền độc lập, gồm: chính quyền liên bang và chính quyền bang

13. Chế độ chính trị là gì? Có những loại chế độ chính trị nào?

Chế độ chính trị: Phương pháp, thủ đoạn cai trị của giai cấp thống trị, thể hiện qua mức độ cho phép người dân tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội; được chi làm hai loại:

(i) **Chế độ chính trị dân chủ;** theo đó ghi nhận các quyền tự do, dân chủ của người, người dân được tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội, được bầu ra các cơ quan nhà nước cấp tối cao, các lãnh đạo cấp cao của Nhà nước, được quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước theo hình thức trưng cầu ý dân

(ii) Chế độ chính trị phản dân chủ; hạn chế tối đa các quyền tự do, dân chủ của người dân.

14. Tên gọi chính thức của một nhà nước thường thể hiện điều gì?

Tên gọi chính thức của một nước thường thể hiện **hình thức nhà nước**; nhưng không phải lúc nào cũng thể hiện đủ cả 3 nội dung của hình thức nhà nước:

+ Hình thức chính thể: Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Cộng hòa Pháp

+ Hình thức cấu trúc: Nhà nước Liên bang Nga, Nhà nước Hợp chủng quốc Hoa kỳ

+ Chế độ chính trị: Cộng hòa dân chủ nhân dân

11. 3 bộ phận của hình thức nhà nước, gồm: Hình thức chính thể, Chế độ Chính trị, và Hình thức cấu trúc thể hiện như thế nào trong 1 nhà nước nhất định; có nhất thiết Hình thức chính thể này, thì phải đi theo Chế độ chính trị kia không?

Không; 3 bộ phận này thể hiện riêng rẽ, và tùy vào điều kiện, hoàn cảnh, bản chất của các Nhà nước khác nhau sẽ khác nhau; như:

Một nhà nước theo chính thể quân chủ; nhưng chế độ chính trị vẫn có thể là dân chủ; Một nhà nước liên bang, thì chế độ chính trị có thể dân chủ hoặc không dân chủ; một nhà nước đơn nhất thì chế độ chính trị có thể dân chủ hoặc không dân chủ.

12. Nêu ví dụ ít nhất 5 nhà nước hiện nay theo Hình thức Chính thể Quân Chủ, và Hình thức Chính thể Cộng hòa

Chính thể Quân chủ: Thụy điển, Anh, Thái lan, Nhật, Arab Saudia, Monaco, Malaysia, Oman

Chính thể Cộng hòa: Pháp, Hoa Kỳ, Đức, Liên bang Nga, Việt Nam

13. Nêu ví dụ ít nhất 5 nhà nước hiện nay theo cấu trúc Nhà nước đơn nhất và Nhà nước Liên bang

Nhà nước đơn nhất: Myanmar, Hàn Quốc, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Việt Nam, Lào

Nhà nước liên bang: Nga, Mỹ, Canada, Úc, Đức, Argentina, Bỉ, Thụy sĩ

BÀI 2: BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Trình bày bản chất nhà nước CHXHCNVN theo Hiến pháp 2013

Điều 2, **Hiến pháp 2013** đã khẳng định:

*“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là **nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.**”*

*“Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là **liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.**”*

Như vậy, bản chất của nhà nước Việt Nam thể hiện thông qua 2 thuộc tính:

(i) Tính giai cấp: **Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam**, là đội tiên phong của giai cấp thống trị ở Việt nam: Giai cấp công nhân, nông dân với đội ngũ trí thức

Nhà nước mình còn là Nhà nước của **thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**

(ii) Tính xã hội: **Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân**, tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về Nhân dân

Đó cũng chính là **các đặc điểm cơ bản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**

2. Trình bày chức năng của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Chức năng của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam gồm: chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

Chức năng đối nội: (i) quản lý mọi mặt đời sống xã hội (trong đó có tổ chức **quản lý về kinh tế**); và (ii) Trấn áp các thế lực chống đối; và Bảo đảm an ninh trật tự; và **Bảo vệ trật tự pháp luật, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân**

Chức năng đối ngoại: (i) Bảo vệ tổ quốc; (ii) Thiết lập quan hệ ngoại giao (**Hợp tác với các nước khác và các tổ chức quốc tế**); và (iii) Thực hiện nhiệm vụ quốc tế

3. Hình thức chính thể của Nhà nước Việt Nam là gì?

Hình thức Chính thể: Cộng hòa **Dân chủ nhân dân (Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa)**

Theo đó, Quyền lực tập trung toàn bộ, và tuyệt đối vào Nhân dân; Nhân dân bầu ra Quốc hội, trao cho nó quyền lập pháp; sau đó thông qua Quốc hội, thành lập nên Chính phủ và trao Chính phủ quyền hành pháp, thành lập ra Tòa án nhân dân và trao Tòa án nhân dân Quyền tư pháp.

Quốc hội, Chính phủ và Tòa án nhân dân luôn có sự phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, khi thực hiện 3 quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

4. Hình thức cấu trúc của Nhà nước Việt Nam là gì?

Nhà nước **đơn nhất**. Cụ thể: Nhà nước Việt Nam có lãnh thổ thống nhất, có 1 hệ thống pháp luật duy nhất, và có 1 hệ thống chính quyền thống nhất từ trung ương xuống địa phương.

5. Nước ta có mấy cấp đơn vị hành chính, hãy kể tên các cấp đó.

Theo quy định tại Điều 2, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, đơn vị hành chính nước ta gồm:

(i) **cấp tỉnh** [Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương]. Ví dụ: Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Cần Thơ

(ii) **cấp huyện** [Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương];

Ví dụ: Thành phố Nha Trang (thuộc tỉnh Khánh Hòa), Thành phố Vinh (thuộc tỉnh Nghệ An), Thành phố Đà Lạt (thuộc tỉnh Lâm đồng); Thành phố Biên hòa (thuộc tỉnh Đồng Nai).

Thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh

(iii) **cấp xã** [Xã, phường, thị trấn]. Ví dụ: Phường 22 [Quận Bình Thạnh]; Phường Tân Thới Hiệp [Quận 12]

(iv) đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

6. Chế độ chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa của nước Việt Nam thể hiện như thế nào?

Chế độ chính trị: Chế độ Chính trị của Việt Nam theo hình thức **Dân chủ**. Điều 2, Hiến pháp 2013 đã khẳng định:

*“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là **nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân**. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.”*

Cụ thể: (i) Tổ chức bầu cử các cơ quan nhà nước; (ii) Quyết định thuộc về số đông, theo đa số; (iii) Chính sách, quyết định của Nhà nước công khai, minh bạch.

7. Bộ máy nhà nước là gì?

Hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương xuống địa phương được tổ chức thống nhất, tạo thành cơ chế đồng bộ, thực hiện chức năng và nhiệm vụ chung của Nhà nước

8. Cơ quan nhà nước có những dấu hiệu gì, để phân biệt với các tổ chức khác?

Cơ quan nhà nước có 4 dấu hiệu: (i) được thành lập và hoạt động theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, (ii) hoạt động mang tính quyền lực nhà nước theo thẩm quyền pháp luật quy định và mang tính bắt buộc thi hành; (iii) độc lập về cơ cấu tổ chức, về cơ sở vật chất tài chính; (iv) cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong cơ quan nhà nước phải là Công dân (mang quốc tịch Việt Nam).

9. Bộ máy nhà nước Việt Nam bao gồm mấy bộ phận cấu thành, hãy kể tên các bộ phận đó.

Có 4 hệ thống cơ quan chính, gồm:

(i) **Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước:** Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, và xã). Đây là những cơ quan do Nhân dân bầu ra, và trao cho quyền lực nhà nước.

Trong đó, Quốc hội là: (i) cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất cả nước; và là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân; còn Hội đồng Nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, là cơ quan đại diện cho ý chí nguyện vọng của nhân dân ở địa phương

(ii) **Hệ thống cơ quan hành chính nhà nước [HAY CÒN GỌI LÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC]:** Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, và xã). Đây là những cơ quan có chức năng quản lý hành chính nhà nước trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó, Chính phủ là cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quản lý hành chính nhà nước trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; còn Ủy ban nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, quản lý hành chính nhà nước trong phạm vi địa phương.

Bên cạnh Chính phủ và Ủy ban nhân dân, thì còn các cơ quan giúp việc, **như Bộ, Cơ quan ngang bộ, Sở, đều thuộc hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước.**

Như vậy, Cơ quan quản lý nhà nước ở Việt Nam bao gồm: Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân, **KHÔNG BAO GỒM** Tòa án nhân dân

(iii) **Hệ thống cơ quan xét xử:** Tòa án nhân dân các cấp: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân huyện và Tòa án quân sự.

Các cơ quan này có chức năng xét xử.

(iv) **Hệ thống cơ quan kiểm sát:** Viện kiểm sát nhân dân các cấp: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân huyện. Các cơ quan này có chức năng kiểm sát và thực hành quyền công tố.

10. Hãy nêu vị trí pháp lý của quốc hội, hội đồng nhân dân, chính phủ, ủy ban nhân dân, chủ tịch nước, tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân

- **Quốc hội:**

(i) **Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất** của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (do Quốc hội có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước, có quyền lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao)

(ii) **Cơ quan đại biểu cao nhất** của Nhân dân

- **Hội đồng nhân dân:**

(i) cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương;

(ii) cơ quan đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra và chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương

- **Chính phủ:**

(i) **Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất** của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

(ii) **Cơ quan chấp hành** của Quốc hội

- **Ủy ban nhân dân:**

(i) Cơ quan **hành chính nhà nước ở địa phương**

(ii) Cơ quan **chấp hành của Hội đồng nhân dân cùng cấp**

- **Chủ tịch nước:** **Người đứng đầu Nhà nước**, đại diện cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong các quan hệ đối nội và đối ngoại

- **Tòa án nhân dân:** Cơ quan xét xử

- **Viện kiểm sát nhân dân:** Cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp

11. Hãy trình bày chức năng và nhiệm vụ của Quốc hội, Chủ tịch nước, Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, Ủy ban nhân dân

- **Quốc hội:** Có 4 chức năng: (i) Lập hiến, lập pháp; (ii) Quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; (iii) Lập ra các cơ quan nhà nước ở trung ương; (iv) Giám sát tối cao

Đối với chức năng giám sát tối cao, Quốc hội giám sát mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hàng năm, Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đều phải báo cáo công tác cho quốc hội

- **Chính phủ:** Có chức năng cơ bản: Quản lý hành chính nhà nước trên phạm vi cả nước; thực hiện quyền hành pháp. Cụ thể:

(i) Bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật

(ii) Thống nhất quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước

(iii) Đề xuất và xây dựng chính sách

- **Chủ tịch nước:** Có chức năng cơ bản: Đại diện nhà nước trong các quan hệ đối nội và đối ngoại

- **Tòa án nhân dân:** Thực hiện chức năng xét xử ở **2 cấp: sơ thẩm và phúc thẩm**

- **Viện kiểm sát nhân dân:** Thực hiện chức năng: (i) thực hành quyền công tố (truy tố, buộc tội và đề nghị Tòa án áp dụng hình phạt với người có hành vi phạm tội) và (ii) kiểm sát hoạt động tư pháp (kiểm tra và giám sát hoạt động xét xử của Tòa án)

Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ: Bảo vệ pháp luật; Bảo vệ quyền con người, quyền công dân; Góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm minh

- Ủy ban nhân dân: quản lý hành chính nhà nước ở địa phương, gồm:

(i) Tổ chức việc thi hành Hiến pháp, pháp luật tại địa phương; (ii) Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân; và (iii) Thực hiện nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao

12. Hãy trình bày hệ thống tổ chức của Tòa án nhân dân

Tổ chức tòa án nhân dân gồm: (i) Tòa án nhân dân tối cao; (ii) Tòa án nhân dân cấp cao; (iii) Tòa án nhân dân cấp tỉnh; (iv) Tòa án nhân dân cấp huyện và (v) Tòa án quân sự

13. Tòa án ở nước ta có mấy cấp xét xử, gồm những cấp xét xử nào?

Tòa án nước ta, có **2 cấp xét xử, là xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm.**

Xét xử **sơ thẩm:** cấp xét xử ban đầu, toàn bộ hồ sơ vụ án, chứng cứ, tài liệu sẽ được làm rõ tại phiên tòa. Bản án sơ thẩm, ban hành ra, sẽ chưa có hiệu lực ngay. Bị cáo, đương sự có 15 ngày để kháng cáo, nếu cho rằng bản án sơ thẩm xâm hại đến quyền và lợi ích hợp

pháp của mình. Nếu sau 15 ngày không kháng cáo, bản án sơ thẩm đương nhiên có hiệu lực; và nếu kháng cáo, thì tòa án cấp trên sẽ xét xử phúc thẩm.

Xét xử **phúc thẩm**: Xét xử lại bản án theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo hoặc đương sự; kháng cáo nội dung nào thì sẽ xét xử lại nội dung đó. **Bản án phúc thẩm ban hành ra sẽ đương nhiên có hiệu lực và các bên không cần kháng cáo.**

14. Quốc hội họp một năm mấy kỳ?

Theo Điều 90, Luật tổ chức Quốc hội, Quốc hội họp thường lệ mỗi năm hai kỳ.

Trường hợp Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội yêu cầu thì Quốc hội họp bất thường.

15. Chính phủ một năm họp mấy kỳ?

Theo Điều 43, Luật Tổ chức Chính phủ 2015, Chính phủ họp thường kỳ mỗi tháng một phiên hoặc họp bất thường theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, theo yêu cầu của Chủ tịch nước hoặc của ít nhất một phần ba tổng số thành viên Chính phủ.

16. Quốc hội có nhiệm kỳ mấy năm, QH hiện tại khóa bao nhiêu?

Theo Điều 2, Luật Tổ chức Quốc hội, Nhiệm kỳ của mỗi khóa Quốc hội là 05 năm, kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa sau.

Quốc hội hiện nay **khóa XV**

17. Bộ máy nhà nước Việt Nam hoạt động dựa trên mấy nguyên tắc? Hãy kể tên từng nguyên tắc?

Có 6 nguyên tắc, gồm:

Thứ nhất, Quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân.

Thứ hai, Quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát

Thứ ba, Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội

Thứ tư, Tập trung dân chủ

Thứ năm, Tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật

Thứ sáu, Bảo đảm sự đoàn kết giữa các dân tộc

18. Hãy trình bày về nguyên tắc “*Quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp*”

Ở nước Việt Nam, quyền lực nhà nước; gồm 3 quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp, thống nhất thuộc về Nhân dân, và Nhân dân là chủ thể tối cao, duy nhất của quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, nhân dân không thể tự mình thực hiện quyền lực nhà nước thuộc về mình, nên đã giao cho Quốc hội thay mặt Nhân dân tổ chức thực hiện. Quốc hội giữ cho mình quyền lập pháp, phân công cho Chính phủ quyền hành pháp, phân công cho Tòa án quyền tư pháp.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện các chức năng của mình, Quốc hội, Tòa án, và Chính phủ có phối hợp với nhau, và kiểm soát lẫn nhau.

Lưu ý: **QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC KHÔNG PHÂN CHIA, MÀ THỐNG NHẤT VÀ CÓ SỰ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**

19. Hãy trình bày các biểu hiện của nguyên tắc “Quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân”

- **Nhân dân bầu ra cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội**, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương là Hội đồng nhân dân. Những cơ quan này thay mặt Nhân dân quyết định những vấn đề quan trọng trong đời sống xã hội, ở phạm vi cả nước (quốc hội) hay ở phạm vi địa phương (hội đồng nhân dân)

- **Nhân dân trực tiếp tham gia quản lý nhà nước, thông qua việc đóng góp ý kiến cho các dự thảo của các cơ quan nhà nước**; như dự thảo luật của Quốc hội, các dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân mà có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân

- **Nhân dân có quyền giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước; như: theo dõi các kỳ họp quốc hội, tham dự các phiên tòa xét xử của Tòa án**

- Nhân dân có quyền khiếu nại những quyết định của cơ quan nhà nước, xâm hại đến các quyền và lợi ích hợp pháp của mình

20. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua mấy phương thức? Đó là những phương thức nào

2 phương thức; gồm: (i) **Dân chủ trực tiếp**; (ii) **Dân chủ đại diện**

Dân chủ trực tiếp: Nhân dân trực tiếp tham gia hoạt động quản lý nhà nước, trực tiếp bầu ra cơ quan nhà nước, và trực tiếp quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước thông qua hình thức trưng cầu ý dân

Dân chủ đại diện: Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua cơ quan đại diện của mình là Quốc hội và Hội đồng nhân dân

21. Ngày 31 tháng 3 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng chống dịch COVID-19. Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương đã tổ chức thực hiện Chỉ thị 16 dưới nhiều cách thức triển khai khác nhau, phù hợp với diễn biến dịch bệnh tại địa phương. Hoạt động này của Nhà nước thể hiện nguyên tắc gì trong tổ chức và hoạt động của Bộ máy Nhà nước Việt nam? Hãy trình bày về nguyên tắc đó

Đó là nguyên tắc tập trung dân chủ

Tập trung dân chủ thể hiện mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương, với cơ quan nhà nước ở địa phương; thủ trưởng với nhân viên, cơ quan nhà nước cấp trên với cấp dưới

Tập trung: Quyền lực tập trung vào trung ương, cấp trên và thủ trưởng. Địa phương, cấp dưới và nhân viên phải phục tùng

Dân chủ: Địa phương, cấp dưới và nhân viên có quyền sáng tạo, linh động trong việc thực hiện mệnh lệnh của trung ương, cấp trên và thủ trưởng phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của mình, và có quyền ý kiến nếu như những mệnh lệnh đó không phù hợp, và ảnh hưởng đến lợi ích của mình

BÀI 3: KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT

1. Pháp luật là gì? Pháp luật thể hiện ý chí của ai?

Pháp luật là những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận, được nhà nước bảo đảm thực hiện; hay hiểu 1 cách đơn giản nhất:

Pháp luật là hệ thống các quy phạm pháp luật.

Pháp luật luôn thể hiện ý chí của giai cấp thống trị và giai cấp nắm quyền lực nhà nước, [vì nó do giai cấp thống trị và giai cấp nắm quyền lực nhà nước ban hành ra để thiết lập trật tự chung cho xã hội, phù hợp với lợi ích giai cấp thống trị]

Trong Tuyên ngôn Đảng Cộng sản của Các. Mác và Ph.Ăngghen viết: “*Pháp luật của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật, cái ý chí mà nội dung là do các điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định*”. Cụm từ “**các ông**” trong câu nói trên dung để chỉ **Nhà nước nói chung và giai cấp thống trị nói riêng**.

2. Pháp luật ra đời dựa trên những nguyên nhân nào?

Nguyên nhân khách quan: Pháp luật ra đời khi xã hội phát triển đến một trình độ nhất định, khi có chế độ tư hữu và phân hóa giai cấp, dẫn đến mâu thuẫn gay gắt đến mức không thể điều hòa được; và phải cần đến pháp luật, để thiết lập trật tự chung, đảm bảo sự ổn định và phát triển của toàn xã hội.

Do đó, có thể hiểu ở xã hội không có chế độ tư hữu, và **không có phân hóa giai cấp** thì sẽ không có pháp luật

Nguyên nhân chủ quan: Pháp luật do Nhà nước ban hành (sáng tạo ra pháp luật) hoặc thừa nhận (lựa chọn và thừa nhận những tập quán đã lưu truyền trong xã hội và nâng chúng lên thành pháp luật).

Do đó, **có thể hiểu ở xã hội không có Nhà nước sẽ không có Pháp luật; và Nhà nước không thể tồn tại mà không có pháp luật**

Từ 2 nguyên nhân trên, có thể khẳng định:

Pháp luật và Nhà nước là 2 hiện tượng xã hội cùng phát sinh, phát triển, cùng tồn tại và tiêu vong

3. Sự ra đời của pháp luật có chấm dứt sự tồn tại của các phong tục tập quán, và các giá trị đạo đức không?

Không. Pháp luật ra đời không triệt tiêu toàn bộ các phong tục tập quán, các giá trị đạo đức, mà vẫn giữ lại những giá trị đạo đức, phong tục tập quán tốt đẹp, phù hợp với lợi ích nhà nước và xã hội, để nâng lên thành pháp luật.

4. Lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua những kiểu pháp luật nào?

Pháp luật có cùng nguồn gốc với Nhà nước; nên kiểu pháp luật sẽ gắn với kiểu nhà nước. Do đó, lịch sử xã hội loài người đã trải qua 4 kiểu pháp luật, gồm: (i) pháp luật chủ nô; (ii) pháp luật phong kiến; (iii) pháp luật tư sản; (iv) pháp luật xã hội chủ nghĩa.

5. Pháp luật hình thành bằng cách thức nào?

Có 2 cách thức chủ yếu để pháp luật được hình thành; gồm:

(i) Thứ nhất, Nhà nước **lựa chọn và thừa nhận** những tập quán đã lưu truyền trong xã hội và nâng chúng lên thành pháp luật; và

(ii) Thứ hai, Nhà nước **sáng tạo** (ban hành) ra pháp luật

6. Quy phạm xã hội là gì? Quy phạm xã hội có những loại nào? Loại nào có vai trò quan trọng nhất trong việc duy trì trật tự xã hội? Loại nào không xuất hiện trong chế độ công xã nguyên thủy?

Quy phạm xã hội là những quy tắc xử sự điều chỉnh hành vi của con người (quy định con người được làm gì, không được làm gì, phải làm gì, và làm như thế nào?) khi tham gia vào các quan hệ xã hội.

Các quy phạm này đều có **chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội**.

Quy phạm xã hội gồm: Đạo đức, phong tục, tập quán, tôn giáo, pháp luật.

Pháp luật có vai trò quan trọng nhất trong việc duy trì trật tự xã hội, bởi vì pháp luật được đảm bảo thực hiện hiệu quả và triệt để bởi các công cụ cưỡng chế đặc biệt của Nhà nước; như: Quân đội, Cảnh sát, Nhà tù, Tòa án, còn các quy phạm khác thì không.

Pháp luật không xuất hiện trong chế độ công xã nguyên thủy; bởi vì khi đó không có Nhà nước, nên chắc chắn sẽ không có pháp luật.

7. Bản chất của pháp luật thể hiện ở?

Ở 2 thuộc tính, gồm: (i) tính giai cấp và (ii) tính xã hội

(i) Tính giai cấp của pháp luật thể hiện ở việc: Pháp luật luôn là sản phẩm của xã hội có giai cấp, luôn thể hiện ý chí của giai cấp thống trị, bảo vệ lợi ích trước hết của giai cấp thống trị; và luôn là công cụ để điều chỉnh các mối quan hệ có giai cấp.

(ii) **Tính xã hội** của pháp luật thể hiện ở việc: Pháp luật ra đời gắn với **nhu cầu quản lý** và giữ trật tự xã hội; Pháp luật thể hiện ý chí, nguyện vọng của các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội; Pháp luật mô hình hóa cách thức xử sự của các chủ thể trong xã hội, tạo một trật tự chung cho xã hội; Pháp luật loại bỏ quan hệ xã hội tiêu cực, thúc đẩy quan hệ xã hội tích cực

8. Bản chất của pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là:

Công dân được làm những gì pháp luật không cấm, còn cơ quan công quyền chỉ được làm những gì pháp luật cho phép

9. Pháp luật có những thuộc tính (đặc trưng) cơ bản nào?

Pháp luật có 3 thuộc tính (đặc trưng) cơ bản, gồm:

Thứ nhất, tính quy phạm phổ biến (bắt buộc chung) . Pháp luật áp dụng cho một phạm vi rất rộng về chủ thể (mọi cá nhân, tổ chức trong cùng điều kiện và hoàn cảnh), không gian, (rộng khắp) và thời gian (áp dụng trong 1 khoảng thời gian dài, mang tính ổn định rất cao)

Thứ hai, pháp luật được đảm bảo thực hiện bằng cưỡng chế nhà nước

Thứ ba, **pháp luật được xác định chặt chẽ về hình thức** thông qua việc: (i) ngôn ngữ luôn thể hiện chính xác, rõ ràng và 1 nghĩa; (ii) luôn được thể hiện trong 1 hình thức nhất định

10. Pháp luật gồm có những vai trò nào? [Xem giáo trình]

Pháp luật có **3 vai trò chính**:

- Công cụ công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội, quản lý xã hội
- Là phương tiện bảo vệ lợi ích của lực lượng cầm quyền
- Là công cụ bảo vệ công lý, thực hiện công bằng xã hội

11. Hãy trình bày các chức năng của pháp luật

Pháp luật có 3 chức năng cơ bản, gồm:

- **Chức năng điều chỉnh (phản ánh):** Pháp luật điều chỉnh (phản ánh) những quan hệ xã hội quan trọng, phổ biến ảnh hưởng đến lợi ích nhà nước, lợi ích của xã hội. Pháp luật điều chỉnh bằng cách: (i) Ghi nhận trong các văn bản pháp luật; (ii) Quy định các điều kiện để xác lập quan hệ đúng đắn; (iii) Quy định các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ; gồm: **Ngăn cấm và bắt buộc; và Cho phép và khuyến khích**

- **Chức năng giáo dục:** Pháp luật **giáo dục tư tưởng, nhận thức và ý thức pháp luật** của con người; thông qua việc tác động vào ý thức con người hướng dẫn con người cách xử

sự: được làm gì, không được làm gì và làm như thế nào?; đồng thời áp dụng các biện pháp cưỡng chế để giáo dục, răn đe, trừng trị.

- **Chức năng bảo vệ:** Pháp luật bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia quan hệ; bảo vệ trật tự các quan hệ xã hội

12. Tập quán là gì? Khi nào tập quán trở thành pháp luật?

Tập quán là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng để xác định quyền, nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong quan hệ dân sự cụ thể, được hình thành và lặp đi lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài, được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong một vùng, miền, dân tộc, cộng đồng dân cư hoặc trong một lĩnh vực dân sự

Tuy nhiên, tập quán chỉ trở thành pháp luật khi được Nhà nước tuyên bố, duy trì, bảo vệ, bảo đảm chúng được thực hiện trong 1 thời gian dài.

13. Tiền lệ pháp là gì? Án lệ có phải tiền lệ pháp?

Tiền lệ pháp là hình thức ban hành pháp luật trong đó Nhà nước thừa nhận cách giải quyết của cơ quan nhà nước về 1 vụ việc cụ thể và áp dụng tương tự với vụ việc có tính chất tương tự.

Cơ quan nhà nước ở đây thường là tòa án; và cách giải quyết của Tòa án thường được thể hiện hiện trong bản án.

14. Mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác (Nhà nước, kinh tế, chính trị, đạo đức).

a) Quan hệ giữa kinh tế với pháp luật:

Pháp luật vừa chịu sự tác động, chi phối của kinh tế; đồng thời lại vừa có sự tác động đến kinh tế rất mạnh mẽ. Cụ thể như sau:

- Kinh tế quyết định sự ra đời, tồn tại và phát triển của pháp luật:

+ Cơ cấu, hệ thống kinh tế quyết định cơ cấu của hệ thống pháp luật
+ Tính chất quan hệ kinh tế quyết định tính chất quan hệ pháp luật, mức độ và phương pháp điều chỉnh pháp luật

+ Chế độ kinh tế quyết định về tổ chức và thiết chế pháp lý

- Pháp luật tác động ngược trở lại kinh tế:

+ Pháp luật phù hợp sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế
+ Pháp luật không phù hợp sẽ kìm hãm sự phát triển kinh tế

b) Quan hệ giữa Nhà nước với pháp luật:

- Nhà nước ban hành/thừa nhận pháp luật
- Nhà nước áp dụng hệ thống cưỡng chế bảo đảm pháp luật được thực hiện
- Pháp luật là công cụ, phương tiện hữu hiệu để Nhà nước quản lý xã hội
- Nhà nước ban hành pháp luật, nhưng phải tổ chức, hoạt động theo pháp luật

c) Quan hệ giữa Pháp luật với chính trị:

- Chính trị quyết định nội dung và phương hướng phát triển của pháp luật
- Chính trị (đường lối, chính sách, mục tiêu) thay đổi thì pháp luật thay đổi
- Pháp luật là thể chế hóa đường lối, chính sách của đảng cầm quyền, và đảm bảo mang

tính bắt buộc chung

- Pháp luật tạo ra môi trường ổn định cho việc thiết lập các quan hệ ngoại giao

d) Quan hệ giữa Pháp luật với Đạo đức:

- Pháp luật và đạo đức đều là hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng
- Pháp luật và đạo đức đều được hình thành từ thực tiễn đời sống xã hội
- Pháp luật và đạo đức đều là quy phạm có tác dụng điều chỉnh đến hành vi xử sự của

con người trong xã hội

-Nhà nước không cụ thể hóa mọi chuẩn mực đạo đức thành pháp luật, mà chỉ cụ thể hóa những chuẩn mực nào phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị mà thôi

*Mọi hành vi phù hợp với pháp luật thì chưa chắc phù hợp với đạo đức và ngược lại
Mọi hành vi phù hợp với đạo đức thì chưa chắc phù hợp với pháp luật.*

[Vì pháp luật thể hiện ý chí giai cấp thống trị, chứ không phải dựa trên các quy tắc đạo đức.]

15. Có mấy hình thức pháp luật, kể tên các hình thức đó?

Có 3 hình thức pháp luật: (i) Tập quán pháp; (ii) Tiền lệ pháp; và (iii) Văn bản quy phạm pháp luật

Trong 3 hình thức trên, tập quán pháp được coi là **hình thức pháp luật bất thành văn**, vì nó không được thể hiện trong 1 văn bản cụ thể, dưới 1 hình thức rõ ràng, đầy đủ và chính xác.

BÀI 4: QUY PHẠM PHÁP LUẬT – VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Quy phạm pháp luật là gì?

Quy phạm pháp luật *là quy tắc xử sự* mang tính *bắt buộc chung* do *Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận*, được *Nhà nước bảo đảm thực hiện* để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

2. Quy phạm pháp luật có phải là 1 loại quy phạm xã hội không? Hay nó hàm chứa, chứa đựng tất cả các quy phạm xã hội; gồm cả quy phạm đạo đức, phong tục, tập quán?

Quy phạm pháp luật được coi là 1 trong các quy phạm xã hội, giống như: quy phạm đạo đức, tôn giáo, phong tục, tập quán, **đều nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội**; tuy nhiên quy phạm pháp luật khác với các quy phạm xã hội khác; và **không hàm chứa, chứa đựng** các quy phạm đạo đức, phong tục tập quán, tín điều tôn giáo

Thông qua quy phạm nào chúng ta biết được hoạt động của các chủ thể là hợp pháp hoặc trái pháp luật

3. Các quan hệ xã hội mà quy phạm pháp luật điều chỉnh có những đặc điểm gì khác với quan hệ xã hội được các quy phạm như đạo đức, tôn giáo, phong tục, tập quán điều chỉnh?

Quan hệ xã hội được quy phạm pháp luật điều chỉnh là những quan hệ quan trọng, phổ biến, mà các chủ thể tham gia quan hệ luôn bị ràng buộc bởi các quyền lợi pháp lý và nghĩa vụ pháp lý.

4. Hãy trình bày các thuộc tính của Quy phạm pháp luật? Nêu ý nghĩa của việc nghiên cứu các thuộc tính của Quy phạm pháp luật?

Quy phạm pháp luật có 4 thuộc tính, gồm:

(i) Tính quy tắc xử sự, làm khuôn mẫu cho hành vi của con người; quy định con người được làm gì, không được làm gì, phải làm gì, và làm như thế nào, trong những hoàn cảnh, điều kiện cụ thể

(ii) Tính bắt buộc chung: về đối tượng, không gian, và thời gian

Thể hiện ở chỗ nó được đặt ra không phải chỉ để điều chỉnh một quan hệ xã hội cụ thể mà để điều chỉnh một quan hệ xã hội chung; áp dụng với mọi cá nhân, tổ chức trong cùng điều kiện và hoàn cảnh.

(iii) Được nhà nước ban hành dưới 3 hình thức: Tiền lệ pháp; Tập quán pháp; và Văn bản quy phạm pháp luật

(iv) Được Nhà nước bảo đảm thực hiện; thông qua 2 phương thức: Một là, công tác giáo dục phổ biến pháp luật; Hai là áp dụng hệ thống các biện pháp cưỡng chế (hành sự, hành chính, dân sự, kỷ luật) để đảm bảo thực hiện pháp luật.

Từ 4 thuộc tính trên, có thể khẳng định Quy phạm pháp luật **luôn gắn liền với Quyền lực nhà nước**; khác với các quy phạm xã hội khác. Quy phạm đạo đức, phong tục tập quán, tín điều tôn giáo đều không gắn liền với quyền lực nhà nước.

Việc nghiên cứu các thuộc tính của Quy phạm pháp luật cho chúng ta biết sự khác nhau giữa quy phạm pháp luật và các quy phạm xã hội khác

5. Khi được chuyển tải dưới dạng vật chất, quy phạm pháp luật được chuyển tải thông qua phương thức nào?

Quy phạm pháp luật thường được chuyển tải theo phương thức ngôn ngữ và văn bản như được thể hiện dưới hình thức: (i) Tiền lệ pháp (thông qua các bản án của Tòa án) và (ii) Văn bản quy phạm pháp luật (thông qua các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành)

6. Cơ cấu của quy phạm pháp luật cơ cấu bao nhiêu bộ phận?

Tùy vào cách tiếp cận và đặt tên, thì quy phạm pháp luật sẽ có nhiều bộ phận khác nhau; gồm:

(i) Cách tiếp cận thứ nhất: 2 bộ phận, gồm: **Giả định và Chỉ dẫn**; gồm: Quy định, Chế tài, và các hướng dẫn xử sự khác

Đối với cách tiếp cận này, **BỘ PHẬN CHỈ DẪN** sẽ chứa đựng các thông tin:

- *Hành vi chủ thể được thực hiện hoặc không được thực hiện*
- *Cách xử sự của chủ thể phải làm và hậu quả mà chủ thể phải gánh chịu nếu không thực hiện hành vi phù hợp*
- *Những lợi ích về vật chất, tinh thần mà chủ thể được hưởng*

(ii) Cách tiếp cận thứ hai: 3 bộ phận, gồm: **Giả định, Quy định và Chế tài**

Trong đó, cách tiếp cận thứ hai là phổ biến nhất

7. Hãy nêu khái niệm về các bộ phận trong quy phạm pháp luật; gồm: Giả định; Quy định và Chế tài. Hãy nêu ví dụ cho từng bộ phận?

- **Giả định:** Nêu lên tình huống mà khi chủ thể ở vào tình huống đó thì chịu sự tác động của quy phạm pháp luật. **HAY NÓI CÁCH KHÁC**

[Là giả thuyết về tình huống, điều kiện, hoàn cảnh của thực tế cuộc sống được định ra bởi nhà làm luật]

Ví dụ: Quy định: Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm cài quai đúng quy cách.

Bộ phận giả định là: “**Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy**”

- **Quy định [trong Chỉ dẫn]:** Nêu lên *cách xử sự, mệnh lệnh* hoặc dẫn dắt về hành vi mà chủ thể phải tuân theo khi ở trong tình huống đã nêu ở phần giả định

Ví dụ: “Khi việc kết hôn trái luật bị huỷ thì hai bên kết hôn phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng”. **Bộ phận quy định sẽ là:** “phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng”

- **Chế tài:** Nêu lên các biện pháp tác động của nhà nước, áp dụng với chủ thể nào không thực hiện đúng ở phần quy định; **có thể là: Phạt tiền, Ngồi tù, Bồi thường thiệt hại, và các hình thức khác: như trách nhiệm kỷ luật, buộc thực hiện đúng nghĩa vụ, buộc dừng hành vi vi phạm.....**

[Những biện pháp cưỡng chế áp dụng đối với các chủ thể vi phạm pháp luật]

Ví dụ: “Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường;...”. **Bộ phận chế tài sẽ là:** “Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng”

8. Hình thức thể hiện của quy phạm pháp luật

- **Thứ nhất,** Một quy phạm pháp luật có thể trình bày trực tiếp trong một điều luật

Ví dụ: Điều 30 Luật Giao thông Đường bộ “*Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm cài quai đúng quy cách.*”

- **Thứ hai,** Trong một điều luật, có thể có nhiều quy phạm pháp luật

Ví dụ:

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng

1. *Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi sau đây:*

...b) *Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

c) **Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận** thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

d) Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, 2. **Thực hiện tấn công mạng**, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng;

- **Thứ ba**, Trật tự trình bày của 3 bộ phận: giả định – quy định – chế tài có thể khác nhau, tùy theo ngữ cảnh, và trường hợp cụ thể.

Ví dụ: “Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu”. Quy phạm này có bộ phận chế tài đặt lên trước bộ phận giả định

- **Thứ tư**, Một quy phạm pháp luật khi thể hiện trong 1 điều khoản, có thể không chứa đựng đầy đủ cả 3 bộ phận: giả định, quy định và chế tài. Như có điều khoản chỉ có giả định và chế tài; có điều khoản chỉ có giả định và quy định. Ví dụ:

“Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân được quy định” – Chỉ có Giả định và Quy định

“Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi đánh đập, hành hạ tàn nhẫn đối với vật nuôi.” – Chỉ có Giả định và Chế tài; Bộ phận quy định bị ẩn đi, là:

“Không được đánh đập, hành hạ, tàn nhẫn với vật nuôi”

Tương tự, “ Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường; ... ”; thì Bộ phận quy định cũng bị ẩn đi; là cấm không được “Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường”

- **Thứ năm**, Có thể được trình bày theo cách viện dẫn đến điều luật cụ thể nào đó của văn bản quy phạm pháp luật.

Ví dụ: Điều 12 Bộ luật hình sự 2015 có quy định: “Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170,

171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này”

- **Thứ sáu**, Có thể được trình bày theo cách viện dẫn không cụ thể đến điều luật của văn bản quy phạm pháp luật nào.

Ví dụ: Điều 12, Bộ luật hình sự 2015 có quy định: “*Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.*”

NHƯ VẬY, KẾT LUẬN LÀ: QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÔNG ĐỒNG NHẤT VỚI ĐIỀU LUẬT

9. Các câu hỏi để xác định bộ phận: giả định, quy định, chế tài của quy phạm pháp luật.

Giả định: Ai? Hoàn cảnh nào? Điều kiện nào? thì chịu sự tác động của quy phạm pháp luật

Quy định: Ai trong hoàn cảnh, điều kiện nêu ra trong bộ phận giả định thì phải xử sự như thế nào (Được làm gì? Không được làm gì? Và Phải làm gì?)

[Bộ phận quy định sẽ trả lời câu hỏi: Chủ thể được thực hiện hoặc không được thực hiện những gì?; Những xử sự mà chủ thể phải làm?; Những lợi ích về vật chất, tinh thần mà chủ thể được hưởng là gì?]

Chế tài: Nếu không làm theo cách xử sự nêu trong bộ phận quy định thì hậu quả pháp lý phải gánh chịu là gì? (bị phạt gì?)

10. Văn bản quy phạm pháp luật là gì? Tại sao Việt Nam chỉ sử dụng Văn bản quy phạm pháp luật, mà không dùng các hình thức pháp luật khác?

Văn bản do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự thủ tục luật định, chứa đựng các quy tắc xử sự chung do Nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, theo những định hướng và trật tự nhất định.

Việt Nam chỉ sử dụng VBQPPL vì 3 lý do: **Thứ nhất**, hình thức này đã được Nhà nước thừa nhận từ một số tập quán đã lưu truyền trong xã hội; **Thứ hai**, hình thức này luôn có tính rõ ràng, cụ thể, điều chỉnh được nhiều quan hệ xã hội trên các lĩnh vực khác nhau; và **Thứ ba**, hình thức này ngày càng được sử dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới

11. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm những loại văn bản nào?

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở nước ta gồm:

Thứ nhất, Hiến pháp

Thứ hai, Văn bản luật: Luật, Bộ luật

Thứ ba, Văn bản dưới luật: Nghị quyết, Pháp lệnh, Lệnh, Quyết định, Nghị định, Thông tư; Nghị quyết liên tịch

Văn bản quy phạm pháp luật là tên gọi được sử dụng trong khoa học pháp lý, còn văn bản pháp luật là tên gọi thông thường.

Khi nói đến văn bản pháp luật (“Văn bản quy phạm pháp luật”), tức là nói đến: “**Hiến pháp, Văn bản luật và Văn bản dưới luật**”. Tuy nhiên, các em phải nhớ, không phải bất kỳ cơ quan nhà nước nào cũng được ban hành văn bản pháp luật; và cơ quan nhà nước nào mà có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật, cũng không thể ban hành tất cả văn bản pháp luật; chỉ được ban hành 1 hoặc 1 số loại nhất định

7. Hãy kẻ bảng trình bày về thẩm quyền ban hành các loại văn bản quy phạm pháp luật

LOẠI VĂN BẢN	THẨM QUYỀN
HIẾN PHÁP	QUỐC HỘI
BỘ LUẬT	QUỐC HỘI
LUẬT	QUỐC HỘI
PHÁP LỆNH	ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NGHỊ QUYẾT	QUỐC HỘI
	ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
	HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO.
	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH	GIỮA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI VỚI ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM.
	GIỮA CHÍNH PHỦ VỚI ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM.
LỆNH	CHỦ TỊCH NƯỚC [CÔNG BỐ LUẬT]
QUYẾT ĐỊNH	CHỦ TỊCH NƯỚC
	THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
	ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH
	ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
	ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
	TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC.
THÔNG TƯ	CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
	VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
	BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ
	TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
THÔNG TƯ LIÊN TỊCH	GIỮA CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO, VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO, TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC, BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ
NGHỊ ĐỊNH	CHÍNH PHỦ

12. Trình tự ban hành 1 văn bản quy phạm pháp luật gồm mấy bước cơ bản?

Gồm 5 bước cơ bản, gồm: (i) Đề xuất ban hành; (ii) Soạn thảo văn bản; (iii) Lấy ý kiến các bên liên quan; (iv) Thẩm định thẩm tra tính phù hợp; (v) Ban hành văn bản.

13. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật thể hiện như thế nào?

Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật thể hiện ở 3 khía cạnh: (i) Hiệu lực về Đối tượng, bao gồm: Cá nhân, tổ chức chịu sự tác động của văn bản; (ii) Hiệu lực về Không gian: bao gồm: Phạm vi lãnh thổ mà văn bản tác động tới; (iii) Hiệu lực về thời gian, bao gồm: Phạm vi thời gian bắt đầu và chấm dứt hiệu lực của văn bản

14. Một văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực về thời gian như thế nào?

VBQPPL được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực; trong đó:

Ngày có hiệu lực được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn [...] ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành. Cụ thể:

*Không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn **của cơ quan nhà nước trung ương**; Không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã.*

1 văn bản Quy phạm pháp luật hết hiệu lực khi: Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản; Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó; Bị bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

15. Một văn bản quy phạm pháp luật khi được ban hành ra chưa có hiệu lực, thì có được áp dụng không?

Về mặt nguyên tắc thì **KHÔNG**, vì VBQPPL chỉ được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp văn bản QPPL

có hiệu lực hồi tố; tức là: được áp dụng ngược trở về trước thời điểm văn bản có hiệu lực.

1 văn bản chỉ được áp dụng khi chưa có hiệu lực trong trường hợp: thật cần thiết, vì lợi ích xã hội, lợi ích cá nhân, tổ chức, và phải được quy định trong văn bản Luật.

Tuy nhiên, 1 văn bản sẽ không có hiệu lực hồi tố (hiệu lực trở về trước) khi:

- **Quy định trách nhiệm pháp lý mới** đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý; hoặc là
- **Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn.**

BÀI 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

1. Quan hệ pháp luật là gì?

Quan hệ pháp luật là quan hệ nảy sinh trong đời sống xã hội do Quy phạm pháp luật điều chỉnh quy định các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể tham gia quan hệ, được Nhà nước bảo đảm thực hiện

2. Đặc điểm của Quan hệ pháp luật:

Quan hệ pháp luật **xuất hiện dựa trên cơ sở quy phạm pháp luật**.

Quan hệ pháp luật là **loại quan hệ có ý chí**.

Quan hệ pháp luật luôn **gắn liền với sự kiện pháp lý**.

Chủ thể tham gia Quan hệ pháp luật **luôn luôn bị ràng buộc bởi quyền và nghĩa vụ pháp lý**.

Quan hệ pháp luật được đảm bảo thực hiện bởi **Nhà nước**

3. Quan hệ pháp luật có mang tính giai cấp và tính xã hội không?

Có, vì bản chất quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội do pháp luật điều chỉnh; mà pháp luật **luôn mang tính giai cấp và tính xã hội**, nên quan hệ pháp luật cũng mang tính giai cấp và tính xã hội.

4. Nêu các cơ sở để làm nảy sinh, chấm dứt, hay thay đổi quan hệ pháp luật?

Sự kiện pháp lý: Là những sự kiện đã xảy ra trong thực tế mà sự xuất hiện hay mất đi của nó được PL gắn với việc hình thành, thay đổi hay chấm dứt QHPL.

Ví dụ: Nếu không có việc đăng ký kết hôn và giấy chứng nhận kết hôn, thì nam và nữ không thể tham gia vào quan hệ hôn nhân được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh.

Nếu không có hợp đồng lao động thì công ty và nhân viên không thể tham gia vào quan hệ pháp luật lao động; để được hưởng các quyền và thực hiện các nghĩa vụ với tư cách là người lao động và người sử dụng lao động.

5. Chủ thể của quan hệ pháp luật thường là những ai?

CHỈ LÀ những chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi;

KHÔNG PHẢI LÀ: mọi cá nhân và tổ chức trong xã hội; hoặc những cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên và có trí óc bình thường.

Chủ thể **CÓ THỂ LÀ:** Cá nhân, Pháp nhân, Tổ chức, Hộ gia đình. Tuy nhiên, **Cá nhân là chủ thể phổ biến nhất**.

Nói tóm lại Chủ thể trong quan hệ pháp luật có thể là cá nhân, tổ chức phải có năng lực pháp luật, năng lực hành vi phù hợp phù hợp để tham gia vào các quan hệ đó và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp cũng như nghĩa vụ pháp lý theo quy định.

6. Năng lực chủ thể bao gồm những yếu tố nào? Hay nói cách khác điều kiện cần và đủ để một cá nhân hoặc 1 tổ chức trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật là gì?

Năng lực chủ thể bao gồm 2 yếu tố: Năng lực pháp luật; và Năng lực hành vi. Cá nhân hoặc tổ chức muốn trở thành chủ thể quan hệ pháp luật phải có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi.

7. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi là gì? Xuất hiện từ khi nào?

a) **Năng lực pháp luật:** Là khả năng của chủ thể có những quyền và nghĩa vụ pháp lý mà pháp luật quy định khi tham gia vào một quan hệ pháp luật nhất định.

- Năng lực pháp luật của cá nhân xuất hiện kể từ khi cá nhân sinh ra; và mất đi khi cá nhân đó chết hoặc bị tuyên bố chết. Năng lực pháp luật gắn liền với mỗi cá nhân và không thể chuyển giao cho người khác.

- Năng lực pháp luật của tổ chức xuất hiện khi tổ chức được thành lập.

b) **Năng lực hành vi:** là khả năng của chủ thể được Nhà nước thừa nhận bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ do pháp luật qui định.

- Đối với cá nhân năng lực hành vi xuất hiện muộn hơn năng lực pháp luật và phải kèm theo điều kiện: **Cá nhân phải đủ độ tuổi pháp luật qui định; và phải có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình** khi tham gia vào Quan hệ pháp luật.

- Đối với tổ chức năng lực hành vi xuất hiện đồng thời với năng lực pháp luật.

8. Khách thể của quan hệ pháp luật là gì?

Khách thể của quan hệ pháp luật là những lợi ích vật chất, lợi ích phi vật chất và những lợi ích XH khác mà chủ thể mong muốn đạt được khi tham gia vào các quan hệ pháp luật. Ví dụ: Quyền nhân thân, danh dự, nhân phẩm là lợi ích phi vật chất; tiền, tài sản là lợi ích vật chất

9. Thực hiện pháp luật là gì?

Thực hiện pháp luật thường được tiếp cận dưới rất nhiều góc độ khác nhau, dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau; nhưng nhìn chung, có 3 cách hiểu phổ biến sau đây về thực hiện pháp luật:

- *Một là*, Hành vi xử sự cụ thể và thực tế của cá nhân hay tổ chức nhằm thực hiện những quyền và nghĩa vụ pháp lý;

- *Hai là*, Quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật trở thành hoạt động thực tế của các chủ thể pháp luật.

- *Ba là*, Quá trình đưa pháp luật đi vào thực tiễn thông qua những hành vi của những đối tượng mà pháp luật điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật

2. Kể tên và nêu khái niệm các hình thức thực hiện pháp luật.

Có 4 hình thức thực hiện pháp luật:

(i) **Tuân thủ pháp luật:** Kiểm chế không làm điều mà pháp luật cấm. Ví dụ như: Không chạy xe ngược chiều, Không sử dụng trái phép chất ma túy, chất kích thích, Không kinh doanh những mặt hàng pháp luật cấm,...

(ii) **Chấp hành (Thi hành pháp luật):** Thực hiện điều pháp luật yêu cầu bằng hành vi tích cực; hay nói cách khác là làm những việc pháp luật buộc phải làm. Ví dụ như: Kết hôn phải đăng ký kết hôn; Phải đội mũ bảo hiểm khi điều khiển phương tiện lưu thông trên đường; Phải đi nghĩa vụ quân sự nếu như có lệnh triệu tập

(iii) **Sử dụng pháp luật:** Thực hiện các quyền mà pháp luật quy định theo ý chí, nhận thức và sự lựa chọn của mình (không bắt buộc, cũng không cam đoán). Ví dụ như: Quyền được bào chữa tại Tòa trong các vụ án hình sự; Quyền được bảo vệ bí mật đời tư, Quyền được lao động, học tập....

(iv) **Áp dụng pháp luật:** Là hình thức mà cơ quan nhà nước tổ chức cho các chủ thể thực hiện pháp luật, đưa các quy định pháp luật vào đời sống thực tiễn. **Đây là hình thức luôn có sự tham gia của cơ quan nhà nước.**

Ví dụ: **Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy khai sinh**, Ủy ban nhân dân xã tổ chức cho nam nữ đăng ký kết hôn; Cảnh sát giao thông xử phạt hành chính về hành vi vi phạm quy định an toàn giao thông.

BÀI 6: VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

1. Hành vi là gì? Hành vi pháp luật là gì? Có những căn cứ nào để phân loại các hành vi pháp luật?

Hành vi là xử sự của con người ra ngoài thực tiễn khách quan, được ý thức con người kiểm soát, và ý chí con người điều khiển.

Hành vi pháp luật là hành vi được pháp luật điều chỉnh.

Căn cứ vào sự phù hợp với pháp luật, hành vi gồm: hành vi hợp pháp và hành vi bất hợp pháp

Căn cứ vào phương thức biểu đạt ra bên ngoài, hành vi gồm: hành động và không hành động

Căn cứ vào chủ thể thực hiện, gồm: hành vi của cá nhân và của tổ chức

2. Vi phạm pháp luật là gì, nêu các dấu hiệu của vi phạm pháp luật.

Vi phạm pháp luật là: (i) Hành vi trái quy định của pháp luật, có lỗi; (ii) do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, và (iii) xâm hại đến quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

Dấu hiệu vi phạm pháp luật: Để một việc xảy ra được coi là vi phạm pháp luật, thì nó phải bao gồm đầy đủ 4 dấu hiệu sau đây:

- Vi phạm pháp luật phải là **hành vi**

- Hành vi đó phải **trái pháp luật**, như vi phạm quy định, quy chế, nội quy trường học. Nếu hành vi trái với tín điều tôn giáo, trái với đạo đức, trái với phong tục tập quán, trái với Điều lệ Đảng, trái với Điều lệ Đoàn thanh niên, thì không gọi là trái pháp luật

- Hành vi đó phải **có lỗi** của chủ thể thực hiện.

Lỗi là trạng thái tâm lý của chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật; khi họ lựa chọn cách thức xử sự trái pháp luật, trong khi có đủ điều kiện lựa chọn xử sự phù hợp với pháp luật.

[Lưu ý: Lỗi không phải là 1 hành vi, không phải là 1 việc làm sai trái, không phải 1 hành động không đúng, mà Lỗi là diễn biến tâm lý bên trong của Chủ thể]

- Chủ thể thực hiện phải có **năng lực trách nhiệm pháp lý**, tức là phải đủ tuổi và có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (đối với cá nhân)

Lưu ý:

Không phải người nào thực hiện hành vi trái pháp luật đều bị Nhà nước xử lý, vì phải đủ 4 dấu hiệu ở trên; tức là phải đủ tuổi, phải có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, và hành vi đó phải có lỗi.

Ví dụ: Cháy nhà, phá cửa nhà người khác vào cứu người; 1 đứa bé 6 tuổi ném đá làm chết người; người tâm thần giết người...

Không phải Mọi hành vi xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ đều là vi phạm pháp luật; bởi vì nó phải có đầy đủ 4 dấu hiệu của vi phạm pháp luật

Không phải cứ có hành vi trái pháp luật đều là vi phạm pháp luật; vì muốn được xem là vi phạm pháp luật phải thỏa mãn đủ 4 dấu hiệu. Ví dụ: Gây thương tích cho người khác trong trường hợp phòng vệ chính đáng; vi phạm quy định an toàn giao thông khi chở người đi cấp cứu trong tình trạng nguy kịch.

Do đó, **Không phải mọi hành vi xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ đều là vi phạm pháp luật**

3. Lỗi có mấy loại, và phân biệt nó như thế nào?

Khái niệm về lỗi: Lỗi là trạng thái tâm lý của chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật; khi họ lựa chọn cách thức xử sự trái pháp luật, trong khi có đủ điều kiện lựa chọn xử sự phù hợp với pháp luật

TIÊU CHÍ	CỐ Ý TRỰC TIẾP	CỐ Ý GIÁN TIẾP	VÔ Ý CẦU THẢ	VÔ Ý QUÁ TỰ TIN
LÝ TRÍ	Nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và hậu quả tất yếu xảy ra	Nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và hậu quả có thể xảy ra	Không nhận thức được hậu quả nguy hại cho xã hội của hành vi trong hoàn cảnh điều kiện mà có thể thể biết, và pháp luật buộc phải biết	Nhận thức được hậu quả nguy hại cho xã hội của hành vi

Ý CHÍ	Mong muốn xảy ra	Không mong muốn xảy ra,	Không suy xét	Cho rằng hậu quả không thể xảy ra, và nếu có xảy ra thì có thể ngăn ngừa được
	ra	nhưng bỏ mặc hậu quả xảy ra, để đạt được mục đích cá nhân của mình	cẩn trọng trong khi có đủ điều kiện để biết và pháp luật buộc phải biết	

4. Độ tuổi tối thiểu có thể bị xử phạt hành chính là bao nhiêu?

Dưới 14 tuổi, không bị xử phạt hành chính về mọi hành vi vi phạm

Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, có bị xử phạt hành chính, nhưng chỉ với những lỗi cố ý, vô ý không bị xử phạt

Từ đủ 16 tuổi trở lên, bị xử phạt hành chính về mọi vi phạm

5. Độ tuổi tối thiểu chịu trách nhiệm hình sự là bao nhiêu tuổi?

14 tuổi. Cụ thể:

- Dưới 14 tuổi không chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm
- Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng
- Từ 16 tuổi trở lên chịu trách nhiệm hình sự về mọi hành vi phạm tội

6. Nêu các bộ phận cấu thành của vi phạm pháp luật.

Vi phạm pháp luật được cấu thành bởi 4 bộ phận:

Một là, Mặt khách quan: Là những biểu hiện bên ngoài của vi phạm pháp luật mà chúng ta quan sát được, xác định được, phân loại được, đo lường được; cụ thể gồm các biểu hiện: (i) hành vi trái pháp luật; (ii) hậu quả; (iii) mối quan hệ nhân quả; (iv) công cụ phương tiện; (v) thời gian, địa điểm; (vi) phương pháp thủ đoạn

Mối quan hệ nhân quả được hiểu là: Hành vi phải xảy ra trước hậu quả về mặt thời gian; Hành vi phải chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả; và Hậu quả đã xảy ra phải là sự hiện thực hoá khả năng thực tế của hành vi.

Hai là, Mặt chủ quan: Là những biểu hiện, diễn biến tâm lý bên trong của chủ thể vi phạm pháp luật; gồm: (i) lỗi; (ii) động cơ; (iii) mục đích. Trong đó, **lỗi là yếu tố bắt buộc phải có ở mặt chủ quan.**

Ba là, Chủ thể: Người thực hiện hành vi trái pháp luật và có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý.

Bốn là, Khách thể: Quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ, nhưng bị vi phạm pháp luật xâm hại đến.

VÍ DỤ: A 20 tuổi, trạng thái tâm lý bình thường, do có mâu thuẫn cá nhân nên A muốn giết B. 21h ngày 5.6.2018 tại chân cầu Sài Gòn A cầm dao đâm trúng tim B làm B chết.

Hành vi A giết người có đủ 4 dấu hiệu vi phạm pháp luật

Chủ thể: A có năng lực trách nhiệm pháp lý, cụ thể: đủ tuổi (từ 14 tuổi trở lên) và trạng thái tâm lý bình thường

Khách thể: Quyền được bảo vệ tính mạng của B

Mặt khách quan:

- **Hành vi trái pháp luật:** A cầm dao đâm trúng tim B

- **Hậu quả:** B chết

- **Mối quan hệ nhân quả:** Hành vi A cầm dao đâm trúng tim B là **nguyên nhân trực tiếp** dẫn đến hậu quả B chết, B chết là **kết quả tất yếu** từ việc A dùng dao đâm trúng tim B

- **Thời gian:** 9h00 tối

- **Địa điểm:** Chân cầu Sài Gòn

- **Công cụ phương tiện:** Dao

Mặt chủ quan:

- **Lỗi:** Cố ý trực tiếp

- **Động cơ:** mâu thuẫn cá nhân

- **Mục đích:** tước đoạt tính mạng của B

7. Kể tên các loại vi phạm pháp luật. Vi phạm pháp luật nào để lại hậu quả lớn nhất cho xã hội

Có 4 loại vi phạm pháp luật

Vi phạm pháp luật hình sự: Chủ thể có các hành vi cấu thành các tội danh trong Bộ luật hình sự; như: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, Cướp giật tài sản, đánh bạc, giết người, cố ý gây thương tích từ 11% trở lên ; Trộm cắp từ 2 triệu đồng trở lên; Tuyên truyền nội dung phỉ báng chính quyền nhân dân

Vi phạm pháp luật hình sự để lại hậu quả lớn nhất cho xã hội

Vi phạm pháp luật hình sự có thể được coi là tội phạm. Do đó, trái pháp luật hình sự chưa chắc là tội phạm, đòi hỏi phải thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa; gồm: (i) hành vi; (ii) có lỗi; (iii) có năng lực trách nhiệm pháp lý.

Vi phạm pháp luật hành chính: Chủ thể có các hành vi vi phạm các quy định về hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực, như: xây nhà trái phép, hay không xin phép; vượt đèn đỏ; không đội mũ bảo hiểm

Vi phạm pháp luật dân sự: Chủ thể có hành vi vi phạm các quy định của Bộ luật dân sự, xâm phạm đến các quyền nhân thân và tài sản được pháp luật bảo vệ. Như: Sử dụng tác phẩm văn hóa nghệ thuật không xin phép tác giả; hay là Vi phạm hợp đồng vì giao hàng trễ hạn.

Vi phạm kỷ luật: Vi phạm quy định kỷ luật lao động, công vụ, học tập, quân sự, gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức: Như: **Quay cóp trong giờ thi**, đi trễ, nghỉ việc không xin phép....

8. Trách nhiệm pháp lý là gì? Cơ sở nào để truy cứu trách nhiệm pháp lý

Trách nhiệm pháp lý là: (i) việc nhà nước áp dụng chế tài đối với chủ thể vi phạm pháp luật; **hay là** (ii) quá trình nhà nước tổ chức cho các chủ thể vi phạm pháp luật thực hiện bộ phận chế tài của quy phạm pháp luật; **hay là** (iii) quá trình nhà nước xử lý hành vi vi phạm pháp luật

Do đó, để truy cứu trách nhiệm pháp lý, cơ quan nhà nước phải xác định (i) **xem có vi phạm pháp luật không** (đã thỏa mãn đủ 4 dấu hiệu của vi phạm pháp luật chưa; đồng thời (ii) **phải xác định xem còn thời hiệu để truy cứu trách nhiệm pháp lý không**.

Thời hiệu là khoảng thời gian pháp luật đặt ra để buộc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải tiến hành điều tra, phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật; nếu quá khoản thời gian đó,

thì chủ thể vi phạm pháp luật không bị truy cứu trách nhiệm pháp lý nữa. [Xem slide của thầy]

9. Có những loại trách nhiệm pháp lý nào?

Gồm 4 loại:

Trách nhiệm hình sự

Trách nhiệm hành chính

Trách nhiệm dân sự

Trách nhiệm kỷ luật

Trong đó, trách nhiệm hình sự là nghiêm khắc nhất

10. Theo điều 2 Bộ luật hình sự 2015, Trách nhiệm hình sự có thể áp dụng với chủ thể nào?

Theo Điều 2, Bộ luật hình sự 2015, trách nhiệm hình sự chỉ áp dụng đối với: (i) cá nhân và (ii) pháp nhân thương mại mà thôi; còn nhưng tổ chức và pháp nhân khác không phải pháp nhân thương mại thì sẽ không chịu trách nhiệm hình sự theo quy định Bộ luật hình sự.

11. Chủ thể nào có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm kỷ luật. Trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính và trách nhiệm dân sự do ai áp dụng.

Trách nhiệm kỷ luật: Chủ thể áp dụng là **Thủ trưởng cơ quan đơn vị có người vi phạm kỷ luật áp dụng**

Trách nhiệm hình sự: **Tòa án** xét xử, kết tội và áp dụng hình phạt.

Trách nhiệm hành chính: **Cơ quan nhà nước có thẩm quyền** xử phạt hành chính

Trách nhiệm dân sự: Các bên tham gia quan hệ dân sự tự giải quyết. Nếu không giải quyết được, **Tòa án** sẽ đứng ra giải quyết

BÀI 7: QUAN HỆ PHÁP LUẬT VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. Hệ thống pháp luật là gì? Bao gồm những bộ phận nào.

Hệ thống pháp luật là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân thành các **chế định pháp luật, các ngành luật** và được thể hiện **trong các văn bản quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành**.

Như vậy, Hệ thống pháp luật được tiếp cận **dưới 2 góc độ**; gồm (i) cấu trúc bên trong; (ii) hình thức bên ngoài.

Với góc độ cấu trúc bên trong, Hệ thống pháp luật sẽ được gọi là **Hệ thống các quy phạm pháp luật**; và với góc độ hình thức bên ngoài, thì hệ thống pháp luật được gọi là **Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật**

2. Cấu trúc bên trong (hệ thống ngành luật) bao gồm những bộ phận cấu thành nào?

Cấu trúc bên trong (hệ thống ngành luật) bao gồm: **Quy phạm pháp luật, chế định luật, và ngành luật**.

Quy phạm pháp luật được xem là là **phần tử cấu thành nhỏ nhất** của hệ thống pháp luật, điều chỉnh 1 quan hệ xã hội nhất định.

Nhiều quy phạm pháp luật cùng điều chỉnh 1 nhóm các quan hệ xã hội cùng loại, và cùng tính chất sẽ tạo nên **1 chế định pháp luật**.

Nhiều chế định pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên cùng 1 hoặc 1 số lĩnh vực nhất định sẽ tạo nên **1 ngành luật**.

3. Hình thức bên ngoài (hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật) bao gồm những loại văn bản nào?

Hiến pháp: là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật; tất cả các văn bản còn lại được ban hành ra, phải trên cơ sở Hiến pháp, và không được trái với nội dung Hiến pháp, trái thì phải sửa, sửa không được thì phải hủy phải bỏ

Văn bản Luật: Luật, Bộ luật, là văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống xã hội, và là cơ sở cho việc ban hành, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật còn lại trong hệ thống pháp luật.

Văn bản dưới Luật: Nghị định, Thông tư, Quyết định, Nghị quyết, được ban hành ra để hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật

4. Quy phạm pháp luật, chế định pháp luật, ngành luật là gì?

Quy phạm pháp luật: là quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, được Nhà nước bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội

Chế định pháp luật: là tập hợp một nhóm quy phạm pháp luật điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội có liên quan mật thiết với nhau.

Ngành luật: là hệ thống bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh một loại quan hệ xã hội (những quan hệ xã hội có chung tính chất thuộc một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội) bằng những phương pháp nhất định.

5. Tiêu chuẩn để xác định sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật.

4 tiêu chuẩn gồm:

Tính toàn diện (có điều chỉnh đầy đủ những quan hệ xã hội quan trọng phổ biến, ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, của xã hội không?)

Tính thống nhất và đồng bộ (có chồng chéo, mâu thuẫn với nhau không?)

Tính phù hợp, khả thi và hiệu quả (có phù hợp với đời sống thực tiễn không?)

Ngôn ngữ chuẩn xác và trình độ kỹ thuật pháp lý cao khi xây dựng pháp luật (ngôn ngữ thể hiện có rõ ràng không?)

6. Ở nước ta có bao nhiêu ngành luật, hãy kể tên các ngành luật đó.

Có tất cả 12 ngành luật: Luật hiến pháp [Luật Nhà nước; Luật Hành chính; Luật Hình sự; Luật Dân sự; Luật Tố tụng Hình sự; Luật Tố tụng dân sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Lao động; Luật Tài chính; Luật Kinh tế; Luật Đất đai; Luật Quốc tế].

7. Căn cứ để phân định các ngành luật bao gồm những yếu tố nào.

Ngành luật là hệ thống các quy phạm pháp luật được Nhà nước ban hành điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên 1 hoặc 1 số lĩnh vực nhất định đời sống xã hội. Các quan hệ xã hội phát sinh trên những lĩnh vực khác nhau thì nội dung, tính chất cũng khác nhau (**Đối tượng điều chỉnh của ngành luật**); và phương pháp Nhà nước sử dụng để tác động lên các quan hệ xã hội đó đó cũng khác nhau (**Phương pháp điều chỉnh của ngành luật**).

Do đó, cơ sở để phân định các ngành luật là **đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh**

8. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của 1 ngành luật là gì?

Đối tượng điều chỉnh: Những quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh có chung tính chất, phát sinh trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội

Phương pháp điều chỉnh: Những cách thức mà Nhà nước sử dụng để tác động lên các quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của mình. Có 2 cách thức phổ biến: Phương pháp mệnh lệnh phục tùng và Phương pháp tự định đoạt

9. Đối tượng điều chỉnh của ngành Luật Hiến pháp là gì?

Luật Hiến pháp là ngành luật chủ đạo trong Hệ thống pháp luật nước ta, đưa ra những quy định mang tính chất nền tảng, nguyên tắc, để các ngành luật khác cụ thể hóa, và áp dụng vào từng lĩnh vực cụ thể trong đời sống xã hội.

Do đó, đối tượng điều chỉnh của Luật Hiến pháp là: (i) Chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học và công nghệ, môi trường; (ii) Tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước; (iii) Quyền và nghĩa vụ cơ bản của con người, công dân

10. Theo Điều 120 Hiến pháp 2013, Hiến pháp được xem là “Luật cơ bản của Nhà nước”. Tại sao?

Hiến pháp là Luật cơ bản nhất của Nhà nước là bởi vì Hiến pháp do Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành; quy định những vấn đề cơ bản nhất và quan trọng nhất của nhà nước; đồng thời có giá trị pháp lý cao nhất

11. Có bao nhiêu bản Hiến pháp ở nhà nước ta từ trước đến nay, kể tên các bản HP đó.

Có tất cả 5 bản Hiến pháp, gồm: Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992, và Hiến pháp 2013

12. Đối tượng điều chỉnh của ngành luật hành chính là gì?

Ngành Luật hành chính điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức và thực hiện hoạt động chấp hành – điều hành của cơ quan nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; hay nói cách khác là quan hệ giữa phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước.

13. Phương pháp điều chỉnh đặc trưng của luật hành chính là phương pháp nào?

Đối tượng điều chỉnh của Luật Hành chính là những quan hệ xã hội mà các chủ thể tham gia không bình đẳng về địa vị pháp lý; tức là 1 bên có quyền đưa ra mệnh lệnh, bên còn lại phải phục tùng

Do đó, Phương pháp điều chỉnh đặc trưng của ngành luật hành chính là mệnh lệnh, phục tùng

14. Đối tượng điều chỉnh của ngành luật Hình sự là gì?

Ngành luật Hình sự quy định hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là **Tội phạm** và đồng thời quy định **Hình phạt** kèm theo đối với tội phạm đó; được chia làm hai phần: Phần chung (nguyên tắc chung, khái niệm...) và phần Tội phạm.

Tóm lại, ngành Luật Hình sự quy định về Tội phạm và Hình phạt; và trong Hệ thống pháp luật Việt Nam **chỉ có ngành Luật Hình sự quy định về Tội phạm và Hình phạt**. Ngành luật Tố tụng hình sự không quy định về tội phạm và hình phạt, mà chỉ quy định về trình tự thủ tục giải quyết vụ án hình sự.

15. Đối tượng điều chỉnh của ngành luật dân sự là gì?

Đối tượng điều chỉnh của ngành luật dân sự là các quan hệ tài sản và phi tài sản phát sinh trong giao dịch dân sự nhằm thỏa mãn thu cầu của các chủ thể trong xã hội; gồm 2 nhóm đối tượng điều chỉnh:

- Quan hệ nhân thân
- Quan hệ tài sản

Theo đó, **Ngành luật dân sự gồm 4 chế định như sau:**

- **Chế định về tài sản và quyền sở hữu**
- Chế định về thừa kế
- Chế định về quyền sử dụng đất
- Chế định về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự

16. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật dân sự có đặc trưng gì?

Do đặc thù về đối tượng điều chỉnh là những quan hệ dân sự được xác lập trên cơ sở sự bình đẳng, tự nguyện, thỏa thuận của các chủ thể tham gia quan hệ; nên **Phương pháp điều chỉnh đặc trưng của ngành luật này là bình đẳng, thỏa thuận**

17. Đối tượng điều chỉnh của ngành Luật Hôn nhân và Gia đình là gì?

Quan hệ kết hôn, ly hôn, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, giữa các thành viên khác trong gia đình, về cấp dưỡng, xác định cha mẹ cho con, con nuôi, giám hộ, về quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Ngành luật Hôn nhân và Gia đình được chia làm 6 chế định cơ bản sau:

- Chế định về kết hôn
- Chế định về quan hệ vợ chồng
- Chế định về cha mẹ và con

Chế định nuôi con nuôi

Chế định chấm dứt hôn nhân

Chế định về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

18. Đối tượng điều chỉnh của ngành Luật Tố tụng dân sự là gì?

Trình tự, thủ tục, giai đoạn giải quyết các vụ án dân sự

19. Đối tượng điều chỉnh của ngành Luật Tố tụng hình sự là gì?

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử và quá trình kiểm sát việc điều tra, truy tố, xét xử những vụ án hình sự.

Không quy định về hình phạt và tội phạm. Chỉ có ngành luật hình sự mới quy định.

THÂN CHÚC CÁC EM CÓ KẾT QUẢ TỐT VỚI KỲ THI



Chúc các mem 🍀 thi tốt nha

TẠCH TẠCH TẠCH TẠCH TẠCH TẠCH
TẠCH TẠCH TẠCH TẠCH TẠCH TẠCH
TẠCH TẠCH TẠCH...

Đừng hiểu lầm.....
tiếng gõ phím ấy mà =))

SIEUSACH.INFO

